

Đương Số: Xemtuong - Dương Nam  
 Cung mệnh: **Át Dậu** - Thai Nguyên: **Quý Dậu**  
 Thân Vượng: **Hỏa 29/50**  
 Dụng Thần: **Thủy Mộc**



|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
| <b>Trụ Năm 1980</b><br>Tài M.Dục<br>CANH THÂN L.Quan<br>Canh Mậu Nhâm<br>Tài Thương Quan<br>M.Dục Đ.Vượng Thai<br><b>Mộc Dụng</b><br>Kim Dư<br>Thái Dương<br>Vong Thần | <b>Trụ Tháng 06</b><br>Quan Thai<br>NHÂM NGỌ Thai<br>Đinh Kỷ<br>Tỵ Thực<br>L.Quan L.Quan<br><b>Lâm Quan</b><br>Thiên Át QN Tai Sát<br>Kiến Lộc<br>Đào Hoa<br>Phúc Tinh | <b>Trụ Ngày 13</b><br>Thân Kiếp L.Quan<br>ĐINH TỶ Đ.Vượng<br>Bính Mậu Canh<br>Kiếp Thương Tài<br>Đ.Vượng Đ.Vượng M.Dục<br><b>Đế Vượng</b><br>Thiên Y Kinh Dương<br>Giáp Lộc Kiếp Sát<br>Tú Quý Nhân Giảo<br>Cô Loan Sát<br>Nhật Nhãn | <b>Trụ Giờ 4:01</b><br>Quan Thai<br>NHÂM DẦN Bệnh<br>Giáp Bính Mậu<br>Ân Kiếp Thương<br>Tử Đ.Vượng Đ.Vượng<br><b>Tử</b><br>Thiên Át QN Kiếp Sát<br>Dịch Mã<br>Học Sỹ<br>Thái Cực<br>Quốc Ân |
| <b>Đại Vận 0 (0 - 6 tuổi)</b><br>Quan Thai<br>NHÂM NGỌ Thai<br>Đinh Kỷ<br>Tỵ Thực<br>L.Quan L.Quan   | <b>Đại Vận 1 (7 - 16 tuổi)</b><br>Sát Mộ<br>QUÝ MÙI Mộ<br>Kỷ Ất Đinh<br>Thực Kiêu Tỵ<br>Q.Đới Dưỡng Q.Đới  | <b>Đại Vận 2 (17 - 26 tuổi)</b><br>Ân Tuyệt<br>GIÁP THÂN Tuyệt<br>Canh Mậu Nhâm<br>Tài Thương Quan<br>L.Quan Bệnh T.Sinh   | <b>Đại Vận 3 (27 - 36 tuổi)</b><br>Kiêu Tuyệt<br>ÁT DẬU Tuyệt<br>Tân T.Tài<br>T.Tài L.Quan  |
| <b>Đại Vận 4 (37 - 46 tuổi)</b><br>Kiếp Mộ<br>BÍNH TUẤT Tân<br>Mậu Đinh T. Tài<br>Thương Tỵ T. Tài<br>Mộ Dưỡng Q.Đới   | <b>Đại Vận 5 (47 - 56 tuổi)</b><br>Tỵ Thai<br>ĐINH HỢI Thai<br>Giáp Nhâm<br>Ân Quan<br>T.Sinh L.Quan   | <b>Đại Vận 6 (57 - 66 tuổi)</b><br>Thương Thai<br>MAU TỶ Thai<br>Quý Sát<br>L.Quan   | <b>Đại Vận 7 (67 - 76 tuổi)</b><br>Thực Mộ<br>KỶ SỬU Mộ<br>Kỷ Tân Quý<br>Thực T. Tài Sát<br>Mộ Dưỡng Q.Đới  |
| <b>Đại Vận 8 (77 - 86 tuổi)</b><br>Tài Tuyệt<br>CANH DẦN Tuyệt<br>Giáp Bính Mậu<br>Ân Kiếp Thương<br>L.Quan T.Sinh T.Sinh  | <b>Đại Vận 9 (87 - 96 tuổi)</b><br>T. Tài Tuyệt<br>T. AN MÃO Tuyệt<br>Tân Ất<br>Kiêu L.Quan  | <b>Đại Vận 10 (97 - 106 tuổi)</b><br>Quan Mộ<br>NHÂM THÌN Mộ<br>Mậu Ất Quý<br>Thương Kiêu Sát<br>Q.Đới Q.Đới Dưỡng   | <b>Đại Vận 11 (107 - 116 tuổi)</b><br>Sát Thai<br>QUÝ TỶ Thai<br>Bính Mậu Canh<br>Kiếp Thương Tài<br>L.Quan L.Quan T.Sinh   |

|                                     |  |                                       |  |                                    |
|-------------------------------------|--|---------------------------------------|--|------------------------------------|
| Tài 1980 1 tuổi<br>CANH THÂN L.Quan | T. Tài 1981 2 tuổi<br>T. AN DẬU L.Quan | Quan 1982 3 tuổi<br>NHÂM TUẤT Q.Đới   | ⚡ Sát 1983 4 tuổi<br>QUÝ HỢI Đ.Vượng   | Ân 1984 5 tuổi<br>GIÁP TỶ M.Dục    |
| Kiêu 1985 6 tuổi<br>ÁT SỬU Suy      | ⚡ Kiếp 1986 7 tuổi<br>BÍNH DẦN T.Sinh  | Tỵ 1987 8 tuổi<br>ĐINH MÃO Bệnh       | Thương 1988 9 tuổi<br>MAU THÌN Q.Đới   | Thực 1989 10 tuổi<br>KỶ TỶ Đ.Vượng |
| Tài 1990 11 tuổi<br>CANH NGỌ M.Dục  | T. Tài 1991 12 tuổi<br>T. AN MÙI Suy   | Quan 1992 13 tuổi<br>NHÂM THÂN T.Sinh | Sát 1993 14 tuổi<br>QUÝ DẬU Bệnh       | Ân 1994 15 tuổi<br>GIÁP TUẤT Dưỡng |
| Kiêu 1995 16 tuổi<br>ÁT HỢI Tử      | Kiếp 1996 17 tuổi<br>BÍNH TỶ Thai      | Tỵ 1997 18 tuổi<br>ĐINH SỬU Mộ        | Thương 1998 19 tuổi<br>MAU DẦN T.Sinh  | Thực 1999 20 tuổi<br>KỶ MÃO Bệnh   |
| Tài 2000 21 tuổi<br>CANH THÌN Dưỡng | T. Tài 2001 22 tuổi<br>T. AN TỶ Tử     | Quan 2002 23 tuổi<br>NHÂM NGỌ Thai    | Sát 2003 24 tuổi<br>QUÝ MÙI Mộ         | Ân 2004 25 tuổi<br>GIÁP THÂN Tuyệt |
| Kiêu 2005 26 tuổi<br>ÁT DẬU Tuyệt   | Kiếp 2006 27 tuổi<br>BÍNH TUẤT Mộ      | Tỵ 2007 28 tuổi<br>ĐINH HỢI Thai      | ⚡ Thương 2008 29 tuổi<br>MAU TỶ Thai   | Thực 2009 30 tuổi<br>KỶ SỬU Mộ     |
| Tài 2010 31 tuổi<br>CANH DẦN Tuyệt  | T. Tài 2011 32 tuổi<br>T. AN MÃO Tuyệt | Quan 2012 33 tuổi<br>NHÂM THÌN Mộ     | Sát 2013 34 tuổi<br>QUÝ TỶ Thai        | Ân 2014 35 tuổi<br>GIÁP NGỌ Tử     |
| Kiêu 2015 36 tuổi<br>ÁT MÙI Dưỡng   | Kiếp 2016 37 tuổi<br>BÍNH THÂN Bệnh    | Tỵ 2017 38 tuổi<br>ĐINH DẬU T.Sinh    | Thương 2018 39 tuổi<br>MAU TUẤT Mộ     | Thực 2019 40 tuổi<br>KỶ HỢI Thai   |
| Tài 2020 41 tuổi<br>CANH TỶ Tử      | T. Tài 2021 42 tuổi<br>T. AN SỬU Dưỡng | Quan 2022 43 tuổi<br>NHÂM DẦN Bệnh    | Sát 2023 44 tuổi<br>QUÝ MÃO T.Sinh     | Ân 2024 45 tuổi<br>GIÁP THÌN Suy   |
| Kiêu 2025 46 tuổi<br>ÁT TỶ M.Dục    | Kiếp 2026 47 tuổi<br>BÍNH NGỌ Đ.Vượng  | Tỵ 2027 48 tuổi<br>ĐINH MÙI Q.Đới     | ⚡ Thương 2028 49 tuổi<br>MAU THÂN Bệnh | Thực 2029 50 tuổi<br>KỶ DẬU T.Sinh |
| Tài 2030 51 tuổi                    | T. Tài 2031 52 tuổi                    | Quan 2032 53 tuổi                     | Sát 2033 54 tuổi                       | Ân 2034 55 tuổi                    |

| CANH | THAI | Suy     | TAN  | HỢI  | M.Đức   | NHAM | TY   | Đ.Vượng | QUY    | SUU  | Q.Đới   | GIAP | DAN  | L.Quan  |
|------|------|---------|------|------|---------|------|------|---------|--------|------|---------|------|------|---------|
| Kiêu | 2035 | 56 tuổi | Kiếp | 2036 | 57 tuổi | Tỷ   | 2037 | 58 tuổi | Thương | 2038 | 59 tuổi | Thực | 2039 | 60 tuổi |
| ÁT   | MẢO  | L.Quan  | BÍNH | THÌN | Q.Đới   | ĐINH | TY   | Đ.Vượng | MẬU    | NGỌ  | Đ.Vượng | KỶ   | MÙI  | Q.Đới   |

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hệ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem **nội quy** trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

## Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ năm Thân Kim không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ tháng **Ngọ Hỏa** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ ngày **Tý Hỏa** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ giờ **Dần Mộc** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

### Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Canh** sinh tháng **Ngọ** tọa ở **Mộc Dục** nên được Lệnh tháng.

Can Tháng **Nhâm** sinh tháng **Ngọ** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Đinh** sinh tháng **Ngọ** tọa ở **Lâm Quan** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Nhâm** sinh tháng **Ngọ** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

**Thai nguyên: Quý Dậu** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tứ: Nhâm Thân** (Thai tứ là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tứ thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Dậu Thân này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Quý Dậu** nạp âm là Kim, gặp cung mệnh **Át Dậu** nạp âm là **Thủy** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên **Quý Dậu** nạp âm là Kim, gặp trụ năm **Canh Thân** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Quý Dậu** nạp âm là Kim, gặp trụ tháng **Nhâm Ngọ** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Quý Dậu** nạp âm là Kim, gặp trụ ngày **Đinh Tỵ** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Quý Dậu** nạp âm là Kim, gặp trụ giờ **Nhâm Dần** nạp âm là Kim là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi già cuộc sống bình hòa.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quý** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Canh Thân** là Kim Kim bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Nhâm Ngọ** là **Thủy** khắc **Hỏa**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Đinh Tỵ** là **Hỏa Hỏa** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Nhâm Dần** là **Thủy** sinh **Mộc**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 4/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Tỵ Thân này là lục hợp Thủy cục, hơi tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Tỵ Ngọ này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Tỵ Dần này bị tương hại cho nhau, hơi xấu.

### Thân Vượng: Hỏa 29/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Hỏa** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **29/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **26/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân**

**Vượng Hỏa.** Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Hỏa** thì dụng thần nên là **Thủy** để khắc bớt **Hỏa**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

**Dụng Thần: Thủy Mộc** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Thủy (dụng thần 1)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rửa, nước chảy, cày khô, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Anh vì **Thủy** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Mộc (dụng thần 2)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tổ chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Anh vì **Mộc** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt

cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

### Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Canh Thân** bị **Bính Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Dần**.

Trụ Tháng **Nhâm Ngọ** bị **Mậu Tý** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Mậu Tý**.

Trụ Ngày **Đinh Tỵ** bị **Quý Hợi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Hợi**.

Trụ Giờ **Nhâm Dần** bị **Mậu Thân** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Mậu Thân**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



### Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

| Ngũ hành             | Mộc       | Hỏa       | Thổ   | Kim | Thủy    |
|----------------------|-----------|-----------|-------|-----|---------|
| Thời gian trong ngày | Rạng sáng | Giữa trưa | Chiều | Tối | Nửa đêm |



| Ngũ hành     | Độc Dương cực | Hòa chính Dương cực    | Âm Dương cân bằng               | Sinh Âm cực           | Thủy chính Âm cực     |
|--------------|---------------|------------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Năng lượng   | Nảy sinh      | Mở rộng                | Cân bằng                        | Thu nhỏ               | Bảo tồn               |
| Bốn phương   | Đông          | Nam                    | Trung tâm                       | Tây                   | Bắc                   |
| Bốn mùa      | Xuân          | Hạ                     | Giao mùa (18 ngày cuối các mùa) | Thu                   | Đông                  |
| Thời tiết    | Gió (ấm)      | Nóng                   | Ấm                              | Mát (sương)           | Lạnh                  |
| Màu sắc      | Xanh Lục      | Đỏ                     | Vàng                            | Trắng/Đa Cam          | Đen/Xanh lam          |
| Thế đất      | Dài           | Nhọn                   | Vuông                           | Tròn                  | Ngoằn ngoèo           |
| Trạng thái   | Sinh          | Trưởng                 | Hóa                             | Thâu                  | Tàng                  |
| Vật biểu     | Thanh Long    | Chu Tước               | Kỳ lân                          | Bạch Hổ               | Huyền Vũ              |
| Mùi vị       | Chua          | Đắng                   | Ngọt                            | Cay                   | Mặn                   |
| Cơ thể       | Gân           | Mạch                   | Thịt                            | Da lông               | Xương tuỷ não         |
| Ngũ tạng     | Can (gan)     | Tâm (tim)              | Tỳ (hệ tiêu hoá)                | Phế (phổi)            | Tận                   |
| Lục phủ      | Đờm (mật)     | Tiểu trường (ruột non) | Vị (dạ dày)                     | Đại trường (ruột già) | Bàng quang            |
| Ngũ khiếu    | Mắt           | Lưỡi                   | Miệng                           | Mũi                   | Tai                   |
| Ngũ tân      | Bùn phân      | Mồ hôi                 | Nước dãi                        | Nước mắt              | Nước tiểu             |
| Ngũ đức      | Nhân          | Lễ                     | Tín                             | Nghĩa                 | Trí                   |
| Xúc cảm      | Giận          | Mừng                   | Lo                              | Buồn                  | Sợ                    |
| Giọng        | Ca            | Cười                   | Khóc                            | Nói (la, hét, hô)     | Rên                   |
| Thú nuôi     | Chó           | Dê/Cừu                 | Trâu/Bò                         | Gà                    | Heo                   |
| Hoa quả      | Mận           | Mơ                     | Táo tàu                         | Đào                   | Hạt dẻ                |
| Ngũ cốc      | Lúa mì        | Đậu                    | Gạo                             | Ngô                   | Hạt kê                |
| Thập can     | +Giáp, -Ất    | +Bính, -Đinh           | +Mậu, -Kỷ                       | +Canh, -Tân           | +Nhâm, -Quý           |
| Thập nhị chi | +Dần, -Mão    | -Tỵ, +Ngọ              | +Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi        | +Thân, -Dậu           | +Tý, -Hợi             |
| Trạng Thái   | Sinh Trưởng   | Nhiệt Năng             | Đất Đại                         | Cứng rắn, Cổ kết      | Lưu Động, Không ngừng |

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Hỏa

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Hỏa có nước da vàng, râu vàng, mũi lộ; lông mày thưa, ngực nổi, bàn tay nhọn, trán dô; môi cong, răng lộ và nhỏ nhọn; đầu bằng và đỉnh đầu bằng; tay chân gầy khảnh, gân guốc; điệu bộ nhanh nhẹn; tai nhọn, tròng mắt khô; lưỡng quyền cao và tiếng nói mau.

Nhìn chung, người thuộc Hỏa hợp với phương Nam. Thích hợp với các nghề có liên quan tới văn hóa, nghệ thuật hoặc công việc kinh doanh những mặt hàng đó, chẳng hạn như ánh sáng, cắt tóc, thực phẩm, giáo viên, xuất bản, văn phòng phẩm...

### Quý Anh Người Thuộc Hỏa Vượng

Người mà Hỏa vượng thì đầu nhỏ, chân dài, mày rậm, tai nhỏ, vóc người trên nhọn dưới nở, tinh thần hoạt bát, tính nóng gấp nhưng lễ độ với mọi người. Tuy nhiên, nếu người Hỏa quá vượng thì dễ mắc các bệnh về hệ tiêu hoá, tuần hoà, hoặc bệnh phần mặt, răng, lưỡi.

### Cung Mệnh ở Dậu sao Thiên bí

Quý Anh tính tình cương trực, đề phòng điều tiếng.

### Trụ năm của Quý Anh có Chánh Tài

Trụ năm có chính tài (tài) ông bà bố mẹ giàu có nếu tháng trụ lại có chính quan thì gia đình phú quý. Trường hợp năm tháng đều có chính quan thì nam thừa kế hai nhà hoặc lấy hai vợ.

### Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Quan

Trụ tháng có chính quan (quan) là em trai trên có anh chị được bố mẹ nuông chiều, một đời ít vất vả. Kỵ năm hoặc giờ can có thương quan thì khắc tổn tuy hiền nếu có chính tài hoặc thiên tài, hay chính ấn thì có thể giải được. Ngoài ra nếu chính quan tọa tướng tinh thì song thân quyền quý hiển đạt; là người chính trực đôn hậu.

### Trụ ngày của Quý Anh có Kiếp Tài

Trụ ngày có kiếp thì hôn nhân muộn hoặc có biến động nếu mang thêm dương nhấn thì trai hình vợ, nữ khắc chồng. Nam đoạt tài vợ. Người bạn đời kiêu ngạo, thích ăn diện, phù hoa không thực, khăng khái trọng tình nghĩa.

### Trụ giờ của Quý Anh có Chấn Quan

Trụ giờ có chính quan thì con cái đôn hậu chính trực. Nếu tọa ở tử tuyệt thì có con mà không được nhờ cậy lúc tuổi già.

### Tứ trụ của Quý Anh có quá nhiều Chánh Quan

Chính quan quá nhiều trong tứ trụ thì có sự khắc chế trói buộc trở thành nhu nhược, năng lực yếu. Mặt khác báo việc gia đình không đầy đủ, tiền đồ học hành có cản trở, nếu không có ấn mạnh hoá giải cứu trợ thì không hay. Chính quan không nên gặp Thương quan, vì họa có thể đến. Nhưng có trường hợp Chính quan nhiều mà gặp Thương quan thì lại hay.

### Chi năm và chi giờ xung

Năm chi và giờ chi xung: Với con không hợp.

### Ngày sinh của Quý Anh là ngày Cô Loan Sát

Gặp ngày Cô Loan Sát nam thì dễ khắc vợ, nữ thì dễ khắc chồng, chậm có con.

### Ngày sinh của Quý Anh là ngày Nhật Nhấn

Gặp ngày Nhật Nhấn chủ về có dũng khí, quả quyết, nam phần nhiều khắc vợ, nữ phần nhiều khắc chồng.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

### Trụ giờ của Quý Anh có Thiên át quý nhân với Kiếp Sát

Thiên át quý nhân Với Kiếp sát cùng trụ thì mưu lược uy nghiêm.

### Trụ tháng của Quý Anh có Thiên át quý nhân và Kiến Lộc

Thiên át quý nhân với kiến lộc thì thích về văn chương.

### Tứ Trụ tài, có lộc

Trụ tài có lộc; hành vận đến lộc vận lại xấu.

### Trụ ngày có Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra

nước ngoài.

### Trụ giờ Dịch mã gặp Tử Tuyệt

Dịch mã đóng ở đất tử tuyệt, lại gặp không vong hình xung phá hoại thì gia đình bất an, phiêu bạt tứ xứ thường gặp vất vả.

### Trụ giờ có Dịch mã và Ngày chủ mệnh

Ngày chủ mệnh: Tử trụ gặp dịch mã làm về ngành giao thông.

### Trụ giờ có Kiếp Sát với thiên át quý nhân cùng trụ

Kiếp Sát với thiên át quý nhân cùng trụ: có mưu lược có uy danh.

### Trong tứ trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.

b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

### Trong tứ trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhãn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

### Trụ ngày có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Chi ngày có sông đê chủ mất lời, tính nóng hung bạo hại người hay theo bè đảng, gặp sinh vượng còn đỡ, gặp tử tuyệt thì nặng hơn.

### Trụ ngày có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Nam gặp sông đê (ở mệnh?) lấy vợ hai lần, nữ gặp sông đê tất sẽ tái giá.

### Tứ Trụ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sông đê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sông đê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

### Trụ ngày có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Ngày có Sông đê: Vợ hoặc chồng yếu đau bệnh tật.

### Cô Loan (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa)

Cô loan: chủ yếu nói về hôn nhân không thuận. "Nam khắc vợ, nữ khắc chồng".

### Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

### Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

### Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tứ trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hỷ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đơ.ng. Mã là kỵ, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuần mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hỷ, phát tài rất



nhanh. Nhâm thân, quý Dậu là kiếm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiếm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động đi xa, ra nước ngoài, v.v..

### Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139)

Lộc là tước lộc, nhờ có thể lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh.

Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc.

Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khác, lộc gặp thân yếu thì tài kỳ thấy khác.

Lộc mã từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên.

Lộc sợ nhất là nhập không vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập không vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không.

Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chức, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ.

Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đến mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác.

Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha.

Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc.

### Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát.

Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tứ trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thủy, hỏa phải đề phòng bỏng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đổ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ẩn thụ là tốt.

### Giảo (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba trước mệnh là giảo. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba sau mệnh là giảo. Giảo nghĩa là trói buộc, cột vào. Mệnh gặp Cấu Giảo hai sát đó thân bị khắc sát, nhưng nhiều cơ mưu, chủ về nắm các việc hình pháp hoặc là tướng soái, những việc sát phạt. Gặp cả hai Cấu Giảo càng nặng, gặp một thì nhẹ hơn, đi với quan sát thì nặng. Ngày hoặc tuế vận gặp giảo là chủ về tai nạn nát thân.

### Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xỉ hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẫn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghề nhờ việc công.

Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nổi được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

### Kình dương / Dương nhẫn (trích sách Nhập Môn Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Trần Viên trang 232)

Mệnh gặp phải Kình dương là hung nhiều cát ít. Lộc quá mức thì sinh kình dương tức là thành công đến cực đỉnh mà vẫn chưa rút lui thì sẽ vượt quá giới hạn cho nên sẽ bị tổn thương vậy. Nếu là người có quý mệnh để áp chế sát thì kình dương kết hợp tướng tinh sẽ tạo thành uy phong không ngăn cản nổi. Thân nhược gặp kình dương thì nó có thể giúp trợ thân, nhưng mệnh có kình dương thì nguy hiểm như làm bạn với hổ. Nếu kình dương bị hợp xung, bị hình hoặc lâm tuế vận thì dễ bị tai nạn nghiêm trọng.

## Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trắng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

### Trụ năm gặp đất trường sinh để vượng

Trụ năm gặp đất trường sinh để vượng, không bị xung khắc, lại được lệnh tháng sinh là chủ về cha mẹ tinh nhanh, tháo vát, dung nhan đẹp, người khỏe trường thọ.

### Can năm Quý Anh được lệnh tháng sinh là cha trường thọ

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

### Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

### Trụ năm Quý Anh sinh hợp với nhật nguyên thì được cha mẹ yêu.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỷ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

### Chính ấn gặp trạch mã thì cha mẹ lập nghiệp ở phương xa.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

### Trẻ em gặp tài vượng là khắc cha mẹ.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giành tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hồng, nên gọi là tỉ kiếp khắc cha.

Chi năm Quý Anh bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ

Chi năm bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ, nếu có quan sát hỗn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ.

Lệnh tháng Quý Anh khắc năm là cha mẹ không song toàn

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, thực là tổ nghiệp hưng thịnh.

Trụ năm, có tài quan tương trợ lẫn nhau thì được hưởng hạnh phúc của ông cha.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.

Lệnh tháng kiến lộc là khó giữ được tổ nghiệp

Hàm trì hợp với quan là nhà sa sút, người xa rời nhau.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

## Anh Em Huynh Đệ

Tỉ kiếp Quý Anh gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở trạch mã là anh chị em đi xa.

Trụ tháng Quý Anh gặp quan tinh là anh em quý trọng nhau.

Lệnh tháng Quý Anh gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Trong Tứ trụ Quý Anh có tỉ kiếp, kinh dương là anh em bất hoà, thường hay cãi nhau.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi Canh Thân hợp với Nữ tuổi Tân Tuất - Ất Sửu - Mậu Thìn về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề

phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

Quý Anh có Can chi của ngày giống nhau là hao tổn tài, không lợi cho vợ chồng.

Quý Anh gặp kinh dương thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con.

Nam gặp kinh dương là lấy vợ hai lần, nữ gặp kinh dương tất sẽ tái giá.

Trong Tứ trụ Quý Anh có phu tinh, thê tinh hợp nhau là cuối cùng có sự ly biệt.

Quý Anh bị Cô loan nhập mệnh là chồng khóc vợ, hoặc vợ khắc chồng.

Quý Anh tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Anh có Kiếp tài đóng ở ngày, chủ về vợ nội trợ tốt, hoặc nhờ vợ mà phát tài.

Quý Anh có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Chi ngày Quý Anh là dần thân tị hợp thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Anh lấy vợ làm phúc.

Quý Anh có Chính tài vượng là vợ cả không dung thứ vợ lẽ.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ Quý Anh có quý nhân lộc mã là vợ hiền nội trợ tốt.

Quý Anh có Sao vợ rõ là vợ chồng hỗ trợ nhau.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kinh dương gặp tuế vận là của cải hoa tán, khắc vợ, hại con.

Trong cục có tài nhiều thì khắc vợ nặng, không có tài thì khắc nhẹ hơn. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

Quý Anh có Tài gặp đào hoa, mộc dục thì vợ dễ bị người khác lôi cuốn.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kiếp tài, kinh dương là khắc cha, làm tổn thương vợ, hoa tán của cải.

Quý Anh Gặp cả kinh dương và kiếp tài thì phải lấy vợ lần nữa.

Quý Anh có Kinh dương đóng ở trụ ngày thì vợ không hiền và hao tài.

Quý Anh có Can ngày vượng, chi ngày là kinh dương thì khắc vợ hoặc vì vợ mà phá sản.

## Công Danh Sự Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có của hay không, hoặc của nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có của, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Có của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn

biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Anh có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Anh có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Anh có Tài, Tài là thể tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Quý Anh Thân vượng, tài nhiều là tiền của vừa ý.

Lệnh tháng Quý Anh có kiến lộc, đến vận lại gặp tài quan thì tự nhiên phát lên giàu có.

Quý Anh có tài nhiều lại dựa vào ấn thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp của.

Quý Anh có Thực thần gặp tài, nhưng tài nhiều thì không sang mà chỉ là trọc phú.

Tài tinh Quý Anh chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Tài quan Quý Anh đều có và lộ rõ thì rất vinh hiển.

Quý Anh có Tài nhiều gặp tử kiếp trợ giúp là nhà giàu thịnh vượng.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Trong mệnh Quý Anh có cả lộc mã và quý nhân là người có phúc được của.

Quý Anh có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Trong trụ Quý Anh vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quý Anh Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Quý Anh Trước tử, sau tài là trước nghèo sau giàu.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài lộ 2 Tài ẩn

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tử kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tử và kiếp.

Tài tinh gặp kinh dương thì mất của, mất người.

## Quan Vận

Quý Anh có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Anh Ấn lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Quý Anh có Quan ở cung giờ, mạng cường, tuổi về già được phong quan.

Quý Anh có Mã ở trụ giờ, tuổi già được tấn phong chức tước (Nguyệt lệnh Chính Tài cách, không xung khắc, mạng vượng)



Quý Anh có Quan tinh đới Đào hoa, rất quý.

Quý Anh có Quan Ấn không có Nhấn không có Sát, quan vị thanh cao.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh ( Trụ tháng có Thiên Ất quý nhân).

Quý Anh có Thương Quan đới Ấn, nhậm chức chính đốn kỷ cương trong triều.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quan tinh không nên thấy cả hai, sợ rằng làm quan không lâu.

Quý Anh có Tài Quan Ấn đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Hỏa thịnh, văn chương sáng láng.

Quý Anh có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Quý Anh có Đinh Nhâm hóa mộc ở giờ Dần, văn chương cái thể thiên hạ (Ngày Đinh giờ Nhâm Dần).

Quý Anh Có Ấn không có Sát thiếu uy phong.

Ấn Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh có Thương Quan đới Ấn, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Anh Tàng Ấn lộ Tài tự thân vượng, công danh hiển vinh.

Quý Anh có Tỷ Kiên gặp Lộc, anh em danh cao.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

Năm gặp Quan quý, tài cao, tuổi trẻ thành danh (Thân vượng).

## Nghề Nghiệp

Quý Anh có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Quý Anh có Thương Quan Thương tận, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Anh có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Chính Quan Quý Anh là thủy, cá tính xuề xòa nhưng cũng rất lý tính, có mưu trí, thích hợp phát triển trong ngành công thương, thủy sản...

Chính Quan Quý Anh là thủy, cá tính xuề xòa nhưng cũng rất lý tính, có mưu trí, thích hợp phát triển trong ngành công thương, thủy sản...

Quý Anh Thân vượng, Tỷ Kiên mạnh, tránh kinh doanh hoặc đầu cơ mạo hiểm, tốt nhất làm công chức hoặc làm ăn ổn định.

Quý Anh có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh dược phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thẩu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Quý Anh Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

### Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Thủy**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

### Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Mộc

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

## Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ẩn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đĩnh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh Trong Tứ trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Trong Tứ trụ Quý Anh có tài quan là đưa con sinh ở nhà giàu sang.

Trong Tứ trụ Quý Anh gặp quan nhiều là con gái nhiều, con trai ít

Trên trụ giờ Quý Anh gặp quý nhân trạch mã là sinh con hiếu đễ.

Trụ ngày Quý Anh phạm cô loan là không có con, chỉ khi nào đến vận gặp Quan tinh thì mới có con.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Quý Anh có Quan tinh đóng ở trụ giờ là con cái tháo vát, thẳng tiến.

Người sinh vào ngày giờ bính, đĩnh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra năm nghiêng.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Anh có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Cung con cái Quý Anh ở hươ, tù, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Ngày giờ Quý Anh tương xung nhau thì không lợi cho con cái.

Trụ giờ Quý Anh quan tinh không có khí thì sinh con nhưng khó nuôi.

Quý Anh Trụ giờ gặp kinh dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Giờ khắc can ngày là con không kính trọng cha.

Quý Anh Trong trụ có kim thủy thì đứa con chậm nói.

Quý Anh Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Quý Anh có Thương quan vượng quá là nuôi con chị em gái.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Quý Anh có Thương quan trùng trùng, đề phòng đau ở eo, chân, xương.

Mộc hỏa tương sinh mà lại quá vượng, thường cảm thấy tỳ vị căng đầy, sức ăn vẫn bình thường nhưng dễ ăn vô liền thấy no hoặc bị đè ép, ợ hơi, buồn nôn.

Nhật chủ cao cường, bình sinh ít bệnh.

Kim yếu gặp hỏa vượng, bệnh về đường huyết là chắc chắn.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sừu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điếm.

| Vòng Trường Sinh | Thai | Dưỡng | Trường Sinh | Mộc Dục | Quan Đới | Lâm Quan | Đế Vượng | Suy | Bệnh | Tử | Mộ | Tuyệt |
|------------------|------|-------|-------------|---------|----------|----------|----------|-----|------|----|----|-------|
| Điểm             | 4.1  | 4.1   | 6           | 7       | 8        | 9        | 10       | 5.1 | 4.8  | 3  | 3  | 3.1   |

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiêu**(Phiến Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô

chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng (lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho (mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của (ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho (phá mở kho).

| Trụ Năm 1980     | Trụ Tháng 04      | Trụ Ngày 16   | Trụ Giờ 17:17 |
|------------------|-------------------|---------------|---------------|
| Thương Dương     | Thương Dương      | Thân Tỷ Suy   | T.Tài Dương   |
| CANH THÂN L.Quan | CANH THÂN Dương   | KY MUI Q.Đới  | QUY DẬU Bệnh  |
| Canh Mậu Nhâm    | Mậu Ất Quý        | Kỷ Ất Đinh    | Tân           |
| Thương Giáp Tài  | Kiếp Sát T.Tài    | Tỷ Sát Kiêu   | Thực          |
| Dương Q.Đới Mộ   | Q.Đới Q.Đới Dương | Suy Q.Đới Suy | Mô            |

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền binh"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Ẩn** (Chánh ẩn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ẩn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ẩn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ẩn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ẩn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ...

**4. Kiêu** (Thiên ẩn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm

của dì ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiều, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, ... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến“. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thẳng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....



Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kình thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T. Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kình thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được cửa nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vận sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net